

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 83/2024/HS-ST
Ngày 10-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiềm;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên;

Ông Phạm Tuấn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khanh.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 85/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thiện H, sinh ngày 10-8-1985 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số A đường H, khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thiện B và bà Lê Minh T; có vợ: Nguyễn Thị T1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm tạm từ ngày 27-02-2024 đến ngày 03-7-2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Bảo lãnh đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Vũ Đức H1, sinh năm 1992, địa chỉ: Số B, khu H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

1. Bà Lê Thị Xuân L, sinh năm 1980, địa chỉ: Số C ngõ A L, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Phương A, sinh năm 1977, địa chỉ: Số A, L, khối I phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Anh Phùng Thanh B1, sinh năm 1999, địa chỉ: Thôn A, xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

4. Ông Bùi Văn C, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ Dân phố T, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

5. Anh Đào Duy T2, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thiện H quen biết với Lê Thị Xuân L từ năm 2020 và biết L có hoạt động kinh doanh hàng hóa. Đầu năm 2023 thông qua L, H liên hệ với người phụ nữ tên “H2” (không rõ họ, địa chỉ cụ thể) có số điện thoại là 0394136152 để xin việc và được “H2” thông tin có nhập khẩu hàng hóa tại Cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, có thể giao cho H làm các thủ tục nhập khẩu, giám sát công nhân bốc xếp và vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu C1 về nội địa theo địa chỉ do “H2” chỉ dẫn, H đồng ý.

Để có doanh nghiệp đầu mối đứng ra làm thủ tục thông quan hàng hóa, H thuê Nguyễn Phương A làm thủ tục thành lập 02 Doanh nghiệp, gồm: Công ty TNHH MTV X1 (*Công ty X1*), đăng ký trụ sở tại địa chỉ thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, đăng ký Giám đốc là Phùng Thanh B1 và Công ty TNHH MTV L3 (*Công ty L3*), đăng ký trụ sở tại địa chỉ số B, ngõ A, đường B, phường H, thành phố L, đăng ký Giám đốc là Nguyễn Văn T3, sinh năm 1989, trú tại xã A, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Để làm thủ tục thành lập doanh nghiệp, Nguyễn Thiện H cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan, bao gồm bản photo công chứng Căn cước công dân của Phùng Thanh B1 và Nguyễn Văn T3, giấy xác nhận số tiền có trong tài khoản để đăng ký vốn điều lệ; tên, địa chỉ Công ty, tên chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của Công ty để Nguyễn Phương A điền vào các biểu mẫu, sau đó H cho người ký đại diện theo pháp luật của 02 Công ty vào biểu mẫu và giao lại cho Phương A đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh L đăng ký thành lập doanh nghiệp. Sau khi 02 Công ty trên được cấp giấy đăng ký doanh nghiệp, Phương A đưa toàn bộ hồ sơ, tài liệu cho Nguyễn Thiện H và được H trả tiền công 1.000.000 đồng/bộ hồ sơ.

Đến giữa tháng 4/2023, Nguyễn Thiện H thuê Phương A làm Kế toán cho 02 Công ty trên, sau đó H cung cấp các tài liệu cần thiết và bảo Phương A đến Ngân hàng A1 Chi nhánh L4 mở tài khoản giao dịch và đăng ký nộp thuế điện tử cho Công ty X1 và Công ty L3, trong đó Công ty X1 đăng ký bằng số thuế bao 0912.202.606, Công ty L3 88 đăng ký bằng số thuế bao 0989.101.888 là 02 số thuế bao di động do H sử dụng để chuyển tiền qua Internet Banking. Đồng thời H thuê Vũ Đức H1, sinh năm 1992, trú tại số B, khu H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn làm thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa do Công ty X1 và Công ty L3 nhập khẩu qua Cửa khẩu C1, huyện L, thỏa thuận tiền công là 500.000 đồng/bộ tờ khai.

Trong quá trình hoạt động của 02 Công ty trên, việc trao đổi thông tin được thực hiện trên nhóm Wechat “LH88” (*không xác định được do ai lập ra*). Tại thời điểm Cơ quan điều tra kiểm tra dữ liệu, nhóm W1 có các thành viên gồm: Nguyễn Thiện H, Nguyễn Phương A, Vũ Đức H1, Đặng Nguyễn Hoàng H3, sinh năm 1979, trú tại quận H, thành phố Hà Nội, Lê Xuân Đ, sinh năm 1981, trú tại huyện V, tỉnh Hưng Yên (*H3, Đ làm nhiệm vụ đón xe ô tô vào bãi để sang tải hàng hóa*) và một người có tài khoản tên “H2” giao dịch bằng số điện thoại 0394.136.152, nhưng không có địa chỉ cụ thể. Các tài liệu liên quan đến các lô hàng hóa nhập khẩu do phía Trung Quốc cung cấp gồm: Hóa đơn thương mại, CO, Bảng thông tin hàng hóa nhập khẩu đường bộ, Giấy giới thiệu của 02 Công ty đều do H chuyển cho Phương A scan gửi lên nhóm W “LH88”, rồi H1 in ra làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa. Về tiền nộp thuế do Nguyễn Thiện H chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng T4 số 19029812399011 và tài khoản Ngân hàng M1 số 1985.858.555.555 của H đến tài khoản Ngân hàng V số 105000258019 của Nguyễn Phương A để nộp thuế cho Công ty X1, LH 88.

Ngày 30/8/2023, Nguyễn Phương A căn cứ vào các giấy tờ liên quan đến nhập khẩu hàng hóa do Nguyễn Thiện H cung cấp rồi vào Hệ thống Hải quan cửa khẩu Chi M mở Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu số **105686458250** cho Công ty X1, đồng thời scan các tài liệu thành file dạng PDF rồi gửi vào nhóm W “LH88” để Vũ Đức H1 đến Chi cục Hải quan cửa khẩu C1 làm thủ tục thông quan hàng hóa.

Lô hàng nhập khẩu nêu trên của Công ty X1 được hệ thống tự động phân luồng vàng, theo quy định chỉ kiểm tra hồ sơ, không kiểm tra chi tiết hàng hóa. Sau khi kiểm tra hồ sơ khai báo hải quan thấy hợp lệ, cán bộ kiểm hóa thuộc Chi cục Hải quan cửa khẩu C1 đã cho sang tải hàng hóa từ xe ô tô Trung Quốc sang xe ô tô Việt Nam. Quá trình giám sát sang tải hàng hóa, cán bộ kiểm hóa không có thông tin, cũng không biết bị can Nguyễn Thiện H đã sử dụng hồ sơ khai báo hải quan hợp lệ để thực hiện hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

Quá trình làm thủ tục thông quan hàng hóa, Nguyễn Thiện H đồng thời thực hiện việc chuyển tiền từ tài khoản số 19029812399011 đến tài khoản số 105000258019 của Phương A mở tại Ngân hàng V để Phương A chuyển đến tài khoản 8400201043424 của Công ty X1 và nộp thuế điện tử theo quy định.

Để vận chuyển lô hàng hóa trên vào nội địa, Nguyễn Thiện H gọi điện thuê Bùi Văn C, sinh năm 1981, trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang điều khiển xe ô tô đầu kéo BKS 98C-268.08, kéo theo sơ mi rơ moóc BKS 98R-020.22 bốc xếp hàng hóa từ xe Trung Quốc sang xe của C rồi vận chuyển từ Cửa khẩu C1 vào nội địa, khi đang di chuyển đến đoạn đường N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, thì bị lực lượng Quản lý thị trường tỉnh Lạng Sơn bắt giữ.

Cũng trong ngày 30/8/2023, Nguyễn Thiện H gọi điện thuê xe ô tô đầu kéo BKS 98H-008.66 kéo theo sơ mi rơ moóc BKS 98R-021.66 của Công ty S (*Công ty S*) do Đào Duy T2 làm Giám đốc. Tuy nhiên do xe ô tô đầu kéo BKS 98H-008.66 bị hỏng nên phải đưa đi sửa chữa, còn sơ mi rơ moóc BKS 98R-021.66 chờ ở bên ngoài khu vực giám sát hải quan khu vực cửa khẩu C1 (*lúc này rơ moóc chưa có hàng hóa*), nên T2 nhờ Nguyễn Văn N điều khiển xe ô tô BKS

98C-077.80 (khi đó đang đỗ ở bên ngoài khu vực giám sát hải quan) đến kéo hộ sơ mi rơ mooc BKS 98R-021.66 vào trong khu vực cửa khẩu C1 để bốc hàng. Sau khi bốc hàng xong, N điều khiển xe ô tô BKS 98C-077.80 kéo sơ mi rơ mooc BKS 98R-021.66 đến cổng kiểm soát của lực lượng Biên phòng (Cổng B2). Do có thông tin nghi vấn hàng hóa vi phạm, Chi cục Hải quan cửa khẩu C1 tiến hành kiểm tra, phát hiện toàn bộ số hàng trên sơ mi rơ mooc BKS 98R-021.66 không có trong khai báo hải quan.

Toàn bộ số hàng hóa vi phạm trên xe ô tô BKS 98C-268.08, kéo theo sơ mi rơ mooc BKS 98R-020.22 và ô tô BKS 98C-077.80 kéo theo sơ mi rơ mooc BKS 98R-021.66 gồm **111** mục hàng đều không có trong khai báo hải quan.

Ngày 14/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ban hành Yêu cầu định giá tài sản số 22/YCĐGTS-CSKT gửi Hội đồng định giá thường xuyên để định giá đối với **111** mục hàng vi phạm trong lô hàng bị bắt giữ nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS, ngày 12/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Lạng Sơn kết luận: *Tổng giá trị của 14 mục hàng hóa vi phạm là 5.877.411.000 đồng, còn lại 97 mục hàng do không có mã sản phẩm, hãng sản xuất và xuất xứ cụ thể, nên không xác định được giá trị.*

Ngoài ra để vận chuyển lô hàng theo tờ khai hải quan nêu trên, H còn thuê Ngô Tiến L1 sinh năm 1982, trú tại thôn S, thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang vận chuyển hàng hóa (không xác định được số lượng) từ cửa khẩu C1 về thành phố Hà Nội và giao hàng tại một bãi đất (không rõ thuộc khu vực nào), người nhận hàng cũng không giới thiệu họ tên và địa chỉ, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm, tạm giữ tang vật.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thiện H khai nhận phù hợp với những nội dung nêu trên và trình bày H chỉ là người làm thuê, chủ hàng là người phụ nữ tên “H2”. Khoảng giữa tháng 3/2023, “H2” gọi điện nhờ H làm thủ tục mở Công ty tại Lạng Sơn, do không biết cách làm nên H thuê Nguyễn Phương A làm thủ tục mở Công ty, sau đó H cho “Hương” số điện thoại của Phương A để liên lạc và gửi giấy tờ cho Phương A đi làm thủ tục thành lập Công ty X1 và Công LH88 như đã nêu ở trên. Để thực hiện các công việc do “H2” giao, H rủ thêm Hoàng Văn L2, sinh năm 1986, trú tại thị trấn Đ, huyện C cùng làm. Hằng tháng “H2” sử dụng tài khoản số 0394136152 mang tên Phùng Thanh B1 mở tại Ngân hàng S1 chuyển 14.000.000 đồng tiền công vào tài khoản số 1902.981.239.9011 mở tại Ngân hàng T4 và tài khoản số 1985.858.555.555 mở tại Ngân hàng M1 mang tên Nguyễn Thiện H, H giữ lại 8.000.000 đồng tiền công và chuyển 6.000.000 đồng tiền công cho L2. Khi các Công ty có hàng hóa nhập khẩu, “Hương” sẽ sử dụng tài khoản số 0394136152 mang tên Phùng Thanh B1 mở tại Ngân hàng S1 để chuyển tiền đến hai tài khoản nêu trên của Nguyễn Thiện H để trả tiền chi phí nhập khẩu, vận chuyển hàng hóa và nộp tiền thuế cho Công ty. Do không biết cách nộp tiền thuế nên H chuyển tiếp đến tài khoản Ngân hàng V số 105000258019 của Nguyễn Phương A nhờ chuyển vào tài khoản của Công ty X1 và Công ty L3 để nộp thuế. H chưa từng gặp “H2”, việc trao đổi đều thông qua điện thoại và W, trên tài

khoản của “H2” không có hình ảnh cá nhân, không có thông tin cụ thể và chỉ có đoạn tin nhắn thể hiện “H2” là kế toán của Công ty tại Hà Nội. Khi hàng hóa bị bắt giữ, H gọi cho “H2” không được, nên đã gọi cho L thì L bảo cứ liên hệ với H2.

Lê Thị Xuân L trình bày chưa từng gặp “H2”, chỉ liên lạc qua số điện thoại 0394.136.152 và qua W; trước đây L từng đòi tiền và mua hàng của “H2”, tuy nhiên “H2” không cung cấp số tài khoản cá nhân mà yêu cầu L chuyển tiền thanh toán vào tài khoản số 0394136152 mở tại Ngân hàng S1 mang tên Phùng Thanh B1; sau khi lô hàng bị bắt giữ, “Hương” đã xóa W.

Theo thông tin của Tập đoàn V1 cung cấp chủ thuê bao số điện thoại 0394.136.152 là của bà Lê Thị X, sinh năm 1960, trú tại phố H, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Bà X trình bày không đăng ký, không cho ai mượn căn cước công dân và không sử dụng số điện thoại nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Phương A, Vũ Đức H1, Hoàng Văn L2 đều khai nhận trên nhóm W có tài khoản của người phụ nữ tên “H2” và được H nói cho biết H vận chuyển hàng hóa cho “H2”.

Tại bản Cáo trạng số 81/CT-VKSLS-P1 ngày 10-7-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thiện H phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định tại khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố và xin được áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Vũ Đức H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; tại Cơ quan điều tra đã có các bản khai và đã được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thiện H phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. Áp dụng khoản 3 Điều 189, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thiện H, xử phạt bị cáo từ 1.800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại bị cáo 500.000.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Thiện H, trong tổng số tiền 2.500.000.000 đồng bị cáo đã nộp để bảo đảm thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy đối với hàng hóa giả mạo thương hiệu; hàng hóa còn lại đề nghị tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước. Đối với điện thoại di động thu giữ của anh Vũ Đức H1 do không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại chủ sở hữu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Vũ Đức H1 và những người tham gia tố tụng khác gồm bà Lê Thị Xuân L, bà Nguyễn Phương A, anh Phùng Thanh B1, ông Bùi Văn C, anh Đào D, tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vắng mặt những người này nhưng họ đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 291 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thiện H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 30/8/2023, Nguyễn Thiện H đã có hành vi vận chuyển trái phép 111 mục hàng với tổng trị giá hàng hóa là 5.877.411.000 đồng qua cửa khẩu C1, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, không được kê khai trong hồ sơ khai báo hải quan hợp lệ. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Thiện H về tội Vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định tại khoản 3 Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội không oan.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế xuất nhập khẩu của Nhà nước, các tội phạm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; bị cáo thực hiện hành vi dưới danh nghĩa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X1 88 để vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới nhằm thu lợi bất chính.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Thiện H là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Ngoài tình tiết định khung bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo đã ủng hộ các loại quỹ an sinh tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn với tổng số tiền ủng hộ là 3.000.000 đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử cần đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Thấy rằng, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng; bị cáo luôn chấp hành quy định của pháp luật, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, là người có nhân thân tốt, có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng, trong thời gian tại ngoại

bị cáo không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Nguyễn Thiện H đã nộp tiền vào Cục T tỉnh Lạng Sơn để đảm bảo thi hành án. Xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo, có điều kiện để thi hành trong trường hợp áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt bị cáo hình phạt chính là phạt tiền, vẫn đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, có tác dụng đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[7] Tại khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với số hàng hoá bị tịch thu là hàng hoá giả mạo các thương hiệu, xâm phạm sở hữu trí tuệ nên cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ. Đối với số hàng hoá là trang phục như quần, áo, váy, túi xách, ba lô, phụ kiện may mặc, bộ đồ chơi trẻ em, màn hình điện thoại Samsung, màn hình điện thoại di động... là tang vật của vụ án nên tịch thu hoá giá sung ngân sách Nhà nước. Đối với chiếc điện thoại OPPO thu giữ của anh Vũ Đức H1 do không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại.

[9] Đối với Nguyễn Phương A, Vũ Đức H1, Hoàng Văn L2, Đặng Nguyễn Hoàng H3 và Lê Xuân Đ đều là người làm thuê cho Nguyễn Thiện H, không được Nguyễn Thiện H nói cho biết về số lượng, chủng loại hàng hóa thực tế, vì vậy không có căn cứ để xử lý về hình sự.

[10] Đối với Phùng Thanh B1 không biết về Công ty X1 và không cho ai mượn căn cước công dân, không biết và không được ai thuê làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty X1; các chữ ký trên hồ sơ, tài liệu của Công ty X1 88 không phải của Phùng Thanh B1, vì vậy không có căn cứ để xử lý hình sự.

[11] Đối với Bùi Văn C, Ngô Tiến L1, Nguyễn Văn N và Đào Duy T2 là lái xe và chủ xe được H thuê vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu C1 đi vào nội địa. Chính, L1, T2, N đều không biết loại hàng mà mình nhận vận chuyển, vì vậy không có căn cứ để xử lý hình sự.

[12] Đối với số hàng được Ngô Tiến L1 vận chuyển trên xe ô tô BKS 98C-060.26 đã giao cho khách hàng tại huyện T, thành phố Hà Nội. Do thời gian đã lâu, nên L1 không lưu số điện thoại người nhận, cũng không nhớ địa chỉ giao hàng, vì vậy không xác định được số hàng này có trong tờ khai hải quan nêu trên hay không.

[13] Đối với Lê Thị Xuân L khai nhận có cho H số điện thoại của người phụ nữ tên “H2” để tự liên hệ, nhưng không biết H và “H2” trao đổi về nội dung gì, cũng không biết thông tin cụ thể của “H2”, vì vậy chưa có căn cứ xử lý hình sự.

[14] Đối với người phụ nữ tên “H2”: Quá trình điều tra, Lê Thị Xuân L và Nguyễn Thiện H đều không biết thông tin cụ thể của “H2”, nên không có căn cứ để điều tra xác minh. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau.

[15] Đối với cán bộ kiểm hóa thuộc Chi cục Hải quan cửa khẩu C1: Lô hàng nhập khẩu của Công ty X1 88 được phân luồng vàng, theo quy định chỉ kiểm tra hồ sơ, không kiểm tra chi tiết hàng hóa. Sau khi cán bộ kiểm hóa kiểm tra thấy hồ sơ khai báo hải quan hợp lệ, nên đã thực hiện việc giám sát sang tải từ xe ô tô Trung Quốc sang xe ô tô Việt Nam. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, những cán bộ kiểm hóa này không có thông tin, cũng không biết bị can Nguyễn Thiện H đã sử dụng hồ sơ khai báo hải quan hợp lệ để thực hiện hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, do vậy không có căn cứ để xử lý hình sự.

[16] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã xác định bà Lê Thị Xuân L, bà Nguyễn Phương A, anh Phùng Thanh B1, ông Bùi Văn C, anh Đào Duy T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Qua quá trình tranh tụng tại Tòa, thấy rằng những người này không có quyền lợi, nghĩa vụ phải quyết định tại phần quyết định của Bản án nên cần xác định những người trên là người tham gia tố tụng khác.

[18] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[19] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 189, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 292, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thiện H phạm tội Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thiện H 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận bị cáo Nguyễn Thiện H đã nộp 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006095 ngày 02-7-2024 tại Cục T tỉnh Lạng Sơn để thi hành án. Sau khi khấu trừ hoàn trả bị cáo Nguyễn Thiện H số tiền còn lại.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước:

Stt	Tên tang vật	Chủng loại, nhãn hiệu, xuất xứ của tang vật	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng tang vật	Ghi chú
1.	Quần thun nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	400	Hàng mới	
2.	Quần dài nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	125	Hàng mới	
3.	Áo sơ mi dài tay nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	25	Hàng mới	
4.	Áo len 3 lỗ nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	30	Hàng mới	
5.	Áo len cộc tay nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	890	Hàng mới	
6.	Áo khoác nam	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	320	Hàng mới	
7.	Áo len dài tay nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	1.470	Hàng mới	
8.	Bộ áo nữ	Gồm: 01 áo sơ mi và 01 áo khoác. Sản xuất ngoài Việt Nam	Bộ	150	Hàng mới	
9.	Bộ áo váy	Gồm: 01 áo dài tay, 01 chân váy. Sản xuất ngoài Việt Nam	Bộ	100	Hàng mới	
10.	Áo sơ mi nữ cộc tay	Sản xuất ngoài Việt Nam	cái	200	Hàng mới	
11.	Váy nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	cái	170	Hàng mới	
12.	Bộ quần áo ngủ	Gồm 01 áo dài tay, 01 quần dài. Sản xuất ngoài Việt Nam	Bộ	150	Hàng mới	
13.	Váy len nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	cái	150	Hàng mới	
14.	Bộ quần áo ni nữ	01 quần dài, 01 áo dài. Sản xuất ngoài Việt Nam	Bộ	30	Hàng mới	
15.	Áo ni dài tay	Sản xuất ngoài Việt Nam	cái	80	Hàng mới	
16.	Quần đùi bò nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	cái	80	Hàng mới	
17.	Ba lô	KT: (35x45)cm. Sản xuất ngoài Việt Nam	cái	150	Hàng mới	
18.	Tất nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Đôi	3.600	Hàng mới	
19.	Bộ váy áo	01 áo, 01 chân váy. Sản xuất ngoài Việt Nam	Bộ	20	Hàng mới	
20.	Áo len nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	2.960	Hàng mới	
21.	Áo ni nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	120	Hàng mới	
22.	Áo thun nam	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	140	Hàng mới	
23.	Áo lót nữ hai dây	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	1.650	Hàng mới	
24.	Quần đùi nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	635	Hàng mới	
25.	Áo ni nữ dài tay hiệu	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	50	Hàng mới	

	HDT					
26.	Bộ chân váy hiệu SYG	Sản xuất ngoài Việt Nam	Bộ	30	Hàng mới	
27.	Quần lót nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	33.840	Hàng mới	
28.	Ba lô học sinh	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	500	Hàng mới	
29.	Quần bò dài nam	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	110	Hàng mới	
30.	Quần bò nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	314	Hàng mới	
31.	Quần vải nữ	hiệu J.Q, Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	100	Hàng mới	
32.	Bộ ngủ nữ dài tay	hiệu SHUZA, Sản xuất ngoài Việt Nam	Bộ	604	Hàng mới	
33.	Áo lót nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	38.860	Hàng mới	
34.	Tất giấy nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Đôi	14.000	Hàng mới	
35.	Tất len	Sản xuất ngoài Việt Nam	Đôi	1.000	Hàng mới	
36.	Áo khoác nỉ dài tay, có mũ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	370	Hàng mới	
37.	Tất trẻ em	Sản xuất ngoài Việt Nam	Đôi	10.000	Hàng mới	
38.	Tất nam người lớn	Sản xuất ngoài Việt Nam	Đôi	3.000	Hàng mới	
39.	Áo thun nữ dài tay	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	1.050	Hàng mới	
40.	Quần Ka ki nam	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	100	Hàng mới	
41.	Áo len dài tay, có mũ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	100	Hàng mới	
42.	Quần nỉ người lớn	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	150	Hàng mới	
43.	Chân váy nữ người lớn	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	1.285	Hàng mới	
44.	Bộ Quần bò, áo Gi lê nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Bộ	37 bộ gi lê bò, 113 áo bò, 85 quần bò, 28 quần bò yếm	Hàng mới	
45.	Áo thun nữ cộc tay	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	220	Hàng mới	
46.	Bộ ngủ nữ cộc tay	hiệu YAZIRUI, Sản xuất ngoài Việt Nam	Bộ	196	Hàng mới	
47.	Túi xách nữ,	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	140	Hàng mới	

48.	Túi xách nữ,	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	163	Hàng mới	
49.	Ba lô học sinh	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	95	Hàng mới	
50.	Áo khoác nỉ nam hiệu J&P	hiệu J&P, Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	120	Hàng mới	
51.	Áo nữ dài tay hiệu (Xim Xim)	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	300	Hàng mới	
52.	Quần bò trẻ em	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	450	Hàng mới	
53.	Quần ngủ nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	300	Hàng mới	
54.	Quần Thô nam người lớn	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	100	Hàng mới	
55.	Quần lót nam	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	200	Hàng mới	
56.	Bộ quần, áo nỉ dài tay, người lớn	Sản xuất ngoài Việt Nam	Bộ	280	Hàng mới	
57.	Quần Sóc nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	600	Hàng mới	
58.	Áo len nam cộc tay	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	250	Hàng mới	
59.	Quần Tắt nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	1.200	Hàng mới	
60.	Bộ quần, áo nỉ dài tay, trẻ em	Sản xuất ngoài Việt Nam	Bộ	100	Hàng mới	
61.	Áo nỉ dài tay, trẻ em	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	100	Hàng mới	
62.	Bộ quần, áo người lớn	Sản xuất ngoài Việt Nam	Bộ	910	Hàng mới	nhiều mẫu mã, chủng loại
63.	Ba lô học sinh	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	50	Hàng mới	
64.	Quần vải nam người lớn	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	130	Hàng mới	
65.	Áo nỉ nam	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	150	Hàng mới	
66.	Áo khoác nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	275	Hàng mới	
67.	Quần vải nữ người lớn	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	50	Hàng mới	
68.	Bộ quần, áo nỉ nữ	Gồm 01 quần dài, 01 áo dài tay, 1 áo gi lê. Sản xuất ngoài Việt Nam	Bộ	45	Hàng mới	
69.	Quần vải trẻ em	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	200	Hàng mới	

70.	Áo khoác gió nữ (áo phao)	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	25	Hàng mới	áo khoác gió (lịch chủng loại)
71.	Bộ đồ chơi trẻ em	Sản xuất ngoài Việt Nam	Bộ	120	Hàng mới	
72.	Bộ trang phục đồ chơi trẻ em	Sản xuất ngoài Việt Nam	Bộ	20	Hàng mới	
73.	Ví nam	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	92	Hàng mới	
74.	Linh kiện máy (Chưa xác định)	Sản xuất ngoài Việt Nam	Kiện	6	Hàng mới	
75.	Ví nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	9	Hàng mới	
76.	Miếng dán ngực phụ nữ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	600	Hàng mới	
77.	Phụ kiện may mặc	Làm bằng kim loại. Sản xuất ngoài Việt Nam	Kg	276	Hàng mới	
78.	Khăn quàng cổ	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	450	Hàng mới	
79.	Màn hình điện thoại	Sản xuất ngoài Việt Nam	Cái	3.797	Hàng mới	
80.	Màn hình điện thoại	SAMSUNG	Cái	150	Hàng mới	

3.2. Tịch thu tiêu hủy:

1.	Máy tính xách tay (Laptop)	DELL-Latitude	Cái	211	Đã qua sử dụng	06 cái lịch số ID/mã của máy
2.	Máy tính xách tay (Laptop)	DELL – Vostro	Cái	23	Hàng mới	
3.	Máy tính xách tay (Laptop)	HP	Cái	40	Đã qua sử dụng	
4.	Điện thoại di động	Iphone	Cái	210	Đã qua sử dụng	05 cái vỡ màn hình do vận chuyển
5.	Điện thoại di động	VIVO	Cái	89	Đã qua sử dụng	

6.	Điện thoại di động	OPPO	Cái	49	Hàng mới	
7.	Điện thoại di động	OPPO	Cái	426	Đã qua sử dụng	
8.	Điện thoại di động	XIAOMI	Cái	26	Đã qua sử dụng	
9.	Điện thoại di động	Xiaomi CIVI 2	Cái	02	Hàng mới	
10.	Điện thoại di động	REDMI	Cái	65	Đã qua sử dụng	
11.	Điện thoại di động	REDMI	Cái	41	Hàng mới	
12.	Điện thoại di động	Realme	Cái	31	Hàng mới	
13.	Điện thoại di động sử dụng bàn phím	Không nhãn hiệu	Cái	300	Đã qua sử dụng	
14.	Màn hình điện thoại di động sử dụng bàn phím	Không nhãn hiệu	Cái	200	Đã qua sử dụng	
15.	Túi xách nữ	LOUIS VUITTON	Cái	685	Hàng mới	
16.	Ví cầm tay	-LOUIS VUITTON - GUCCI	Cái	400 50	Hàng mới	
17.	Ví nữ loại nhỏ	CHANEL	Cái	100	Hàng mới	
18.	Khăn quàng cổ	LOUIS VUITTON	Cái	10	Hàng mới	
19.	Ví nam hiệu LV	LOUIS VUITTON	Cái	105	Hàng mới	
20.	Túi xách nữ	GUCCI	Cái	82	Hàng mới	
21.	Ví cầm tay	GUCCI	Cái	115	Hàng mới	
22.	Túi xách nữ	CHARLES & KEITH,	Cái	530	Hàng mới	
23.	Túi xách nữ	DIOR	cái	261	Hàng mới	
24.	Túi xách nữ	PEDRO	Cái	265	Hàng mới	
25.	Túi xách nữ	MLB 	Cái	420	Hàng mới	
26.	Túi xách nữ	Prada	Cái	150	Hàng mới	
27.	Tất nam	NIKE	Đôi	4.000	Hàng mới	
28.	Áo len nữ cộc tay	YSL 	Cái	60	Hàng mới	
29.	Túi xách nữ	CHANEL	Cái	205	Hàng mới	
30.	Giày boots nữ	CHANEL	Đôi	17 đôi boots, 01	Hàng mới	

				đôi giấy		
31.	Máy tính bảng	REDMIPAD	Cái	02	Hàng mới	

3.3. Trả lại cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Vũ Đức H1: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu ghi, máy cũ đã qua sử dụng. IMEI1: 867397050240797.

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/8/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Cục T tỉnh Lạng Sơn.)

4. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Thiện H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục T tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam CA tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người CQLVNVLQ;
- Lưu: VT, Tổ HCTP, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiểm